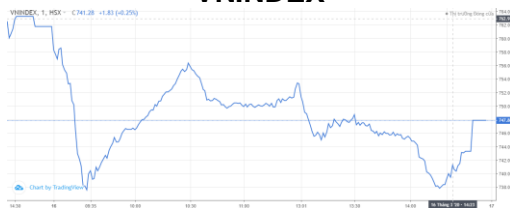


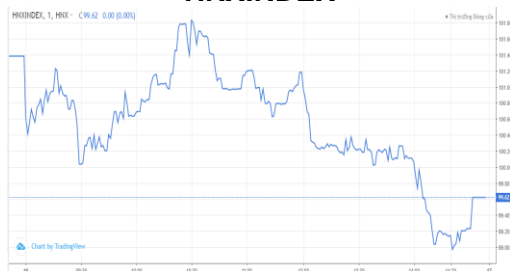
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	747.86	99.62	50.15
% ngày	-1.83%	-1.74%	-0.67%
% tuần	-10.49%	-6.32%	-4.37%
% tháng	-20.22%	-9.22%	-11.19%
% năm	-25.52%	-9.80%	-12.42%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,438	428	381
TB 1 tuần	5,134	737	342
TB 1 tháng	4,080	723	359
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	856.10	2.89	8.62
Bán	1,243.52	14.06	29.85
Giá trị ròng	-387.42	-11.17	-21.23
Độ rộng TT			
Mã Tăng	128	73	178
Mã Giảm	190	74	88
Không Đổi	74	226	637
Chỉ số chính			
P/E	10.72	8.55	13.00
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,614	191	728
LS Cổ tức	3.09%	6.26%	5.43%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường phản ứng tiêu cực trước thông tin FED hạ lãi suất điều hành thêm 1% và khởi động lại gói QE với quy mô 700 tỷ USD. Lực bán hình thành ngay từ đầu phiên và tiếp tục tăng cường trong phiên chiều. Chỉ số VN-Index chốt phiên với mức giảm 1.83% đóng cửa tại 747.46 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng có mức giảm tương ứng 1.74% đóng cửa tại 99.62 điểm trong khi Upcom-Index giảm 0.67%. Giá trị giao dịch khớp lệnh sụt giảm gần 30% so với phiên liền trước đạt hơn 3,700 tỷ đồng toàn thị trường.

Sắc đỏ lấn áp trong phiên hôm nay khi VN-Index có 133 mã tăng và 239 mã giảm. Đặc biệt nhóm Ngân hàng bị bán mạnh trong phiên chiều với VPB giảm hết biên độ trong khi CTG(-6.6%), BID(-6.3%), VCB(-5.5%), TCB(-4.4%), MBB(-3.8%). PNJ giảm sàn đóng cửa tại 57,300 đồng/cp mức thấp nhất kể từ đầu 2018 cho tới nay. Ở chiều ngược lại, SAB(+4.2%), GAS(+4%), PLX(+1.8%), VIC(+0%) là những mã hỗ trợ cho chỉ số.

Nhóm vốn hoá nhỏ đi ngược thị trường khi chỉ số VNSML Index tăng 0.21% với các cái tên HAI(+7%), FIT(+6.9%), TSC(+6.9%), HQC(+6.1%)...

Khối ngoại tiếp tục một phiên bán ròng với giá trị 419 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(45.8 tỷ), VIC(41.7 tỷ), HDB(36 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, chỉ mỗi TCH mã duy nhất được mua ròng trên 10 tỷ.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn có thể sẽ hồi phục về mức 780 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, nhóm chỉ báo tâm lý vẫn tiếp tục giảm cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn tỏ ra bi quan thái quá và kịch bản xác lập vùng đáy quanh vùng giá hiện tại vẫn được đánh giá cao trong một vài phiên tới. Thị trường vẫn đang trong biến động mạnh và đạt ở mức cực đại cho nên rủi ro ngắn hạn vẫn cao nhưng đã có dấu hiệu giảm.

Tuy nhiên, thị trường vẫn còn sớm để xác lập đáy ngắn hạn khi xu hướng ngắn hạn của hai chỉ số chính vẫn duy trì ở mức GIẢM với mức kháng cự ở mức 795.05 điểm của chỉ số VN-Index và 107.09 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường và hạn chế bán tháo ở nhịp giảm. Đồng thời, vị thế đã tham gia bắt đáy trước đó vẫn có thể nắm giữ.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 9% cổ phiếu/91% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.80	GIẢM	GIẢM		10.98			12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	20.90	GIẢM	GIẢM		24.20			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
ACV	49.00	GIẢM	GIẢM		59.18				65.25		
ANV	16.00	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.10	GIẢM	GIẢM		5.59				6.48		
BFC	11.20	GIẢM	TĂNG		11.87			12.25	10.54	-8.57%	
BID	32.80	GIẢM	GIẢM		39.89				52.91		
BMP	36.00	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BSR	6.90	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	38.50	GIẢM	GIẢM		45.49				62.61		
BWE	18.80	GIẢM	GIẢM		20.65				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.80	GIẢM	GIẢM		22.44				24.91		
CMG	23.75	GIẢM	GIẢM		27.01				34.69		
CMX	10.75	GIẢM	TĂNG		12.82			13.50	9.24	-20.37%	
CSM	14.80	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	20.82%	
CTD	51.60	GIẢM	GIẢM		62.41			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		23.97			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	31.40	GIẢM	GIẢM		38.99			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
CVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.57				21.12		
DCM	5.53	GIẢM	GIẢM		5.60			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGC	22.80	GIẢM	GIẢM		23.54				26.66		
DGW	20.45	GIẢM	GIẢM		24.44			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHA	29.80	GIẢM	GIẢM		32.23				32.52		
DHC	37.10	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	-1.59%	
DHG	82.00	GIẢM	GIẢM		91.82			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.58			12.55	11.62	-7.40%	
DPG	24.20	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.05	GIẢM	GIẢM		11.96				12.75		
DPR	35.50	GIẢM	GIẢM		38.08			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
DQC	15.75	TĂNG	TĂNG	13.95	12.72	12.90%			15.72		
DRC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	10.65	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
EIB	16.00	GIẢM	GIẢM		17.56			18.40	16.46	-10.54%	BÁN



We Create Fortune

FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		8.04				10.51		
FMC	19.80	GIẢM	GIẢM		20.81				25.36		
FPT	47.60	GIẢM	GIẢM		51.89				56.69		
GAS	59.30	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	13.40	GIẢM	GIẢM		14.85				19.54		
GIL	15.80	GIẢM	GIẢM		17.15		18.90		17.41	-7.89%	BÁN
GMD	15.80	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.97				19.23		
GVR	12.40	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	5.08%			12.77		
HAG	3.03	GIẢM	GIẢM		3.35				3.78		
HAX	10.95	GIẢM	GIẢM		11.88				14.64		
HBC	7.89	GIẢM	GIẢM		9.24				12.07		
HCM	13.15	GIẢM	GIẢM		15.38				20.42		
HDB	21.70	GIẢM	GIẢM		24.68		29.95		25.76	-13.99%	BÁN
HDC	14.65	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.10	GIẢM	GIẢM		22.21				29.65		
HNG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.41				14.51		
HPG	19.10	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HSG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.53		7.75		7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.30	GIẢM	GIẢM		13.40		16.90		13.91	-17.69%	BÁN
HUT	1.70	GIẢM	GIẢM		2.04				2.43		
HVN	20.60	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KBC	12.00	GIẢM	GIẢM		13.50				15.94		
KDH	20.35	GIẢM	GIẢM		22.12				26.24		
KSB	15.25	GIẢM	GIẢM		17.80		19.65		17.18	-12.59%	BÁN
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		6.02				7.50		
LDG	6.28	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-5.71%			7.48		
LHG	11.80	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		8.14		7.40		6.90	-6.76%	
MBB	16.45	GIẢM	GIẢM		18.57				22.55		
MPC	18.60	GIẢM	TĂNG		20.47		24.10		17.84	-22.82%	
MSN	49.50	GIẢM	GIẢM	54.40	49.55	-8.92%	BÁN		56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	13.81	-2.67%			16.05		
MWG	76.00	GIẢM	GIẢM		88.70				115.75		
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	6.03	GIẢM	GIẢM		6.95				9.51		
NLG	22.00	GIẢM	GIẢM		24.38				27.39		
NT2	16.80	GIẢM	GIẢM		18.80		20.55		18.73	-8.88%	BÁN
NTL	15.40	GIẢM	GIẢM		16.83				22.81		

We Create Fortune

NVL	51.60	GIẢM	GIẢM		54.67				57.76		
OIL	6.20	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PAC	20.60	GIẢM	GIẢM		22.24				25.22		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		13.07				17.12		
PDR	25.30	GIẢM	TĂNG	26.50	25.39	-4.18%	BÁN	29.00	25.19	-12.76%	
PHR	41.50	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-12.08%	
PLX	36.80	GIẢM	GIẢM		40.31				55.37		
PNJ	57.30	GIẢM	GIẢM		66.69				88.64		
POW	8.88	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		
PVT	9.09	GIẢM	GIẢM		10.43				13.84		
PPC	22.90	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	44.85	GIẢM	GIẢM		52.79				68.86		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		12.08				17.58		
PVD	9.22	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	29.70	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-3.57%			33.18		
PVS	10.80	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PXS	3.63	GIẢM	GIẢM		4.47				5.74		
QNS	23.60	GIẢM	GIẢM		25.32				28.22		
REE	28.05	GIẢM	GIẢM		29.80				34.93		
SAB	150.00	GIẢM	GIẢM		161.32				192.12		
SAM	9.35	GIẢM	TĂNG		9.93			7.40	8.90	26.35%	
SCR	3.85	GIẢM	GIẢM		4.54				5.86		
SHI	7.99	GIẢM	GIẢM		8.70			6.99	8.30	18.67%	BÁN
SJS	16.95	GIẢM	TĂNG		18.47			17.00	16.65	-0.29%	
SKG	9.35	GIẢM	GIẢM		10.28				12.01		
SSI	13.30	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	9.99	GIẢM	GIẢM		11.14			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.45	GIẢM	GIẢM		19.56				23.81		
TCM	13.50	GIẢM	GIẢM		15.69				21.05		
TDH	7.29	GIẢM	GIẢM		8.15				10.57		
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNG	13.10	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
VCB	67.10	GIẢM	GIẢM		76.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	53.50	GIẢM	GIẢM		59.94				77.55		
VGC	15.90	GIẢM	GIẢM		17.25				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.55	GIẢM	GIẢM		27.30				37.71		
VHM	71.80	GIẢM	GIẢM		75.76				88.68		



We Create Fortune

VIB	15.10	GIẢM	GIẢM		17.06			17.70	16.76	-5.29%	BÁN
VIC	92.50	GIẢM	GIẢM		97.30				111.22		
VIP	4.33	GIẢM	GIẢM		4.65			5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VJC	100.00	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VND	13.20	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-8.33%			14.82		
VNG	13.70	GIẢM	GIẢM		15.10				18.07		
VNM	97.00	GIẢM	GIẢM		104.83				114.54		
VPB	20.95	GIẢM	GIẢM		24.73			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	40.55	GIẢM	GIẢM		41.91			41.30	40.58	-1.75%	
VRC	5.26	GIẢM	GIẢM		5.86				9.77		
VRE	23.70	GIẢM	GIẢM		25.73				32.30		
VSC	20.90	GIẢM	GIẢM		21.83				26.96		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	20.90	GIẢM	GIẢM		24.20			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BID	32.80	GIẢM	GIẢM		39.89				52.91		
BSR	6.90	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	38.50	GIẢM	GIẢM		45.49				62.61		
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		23.97			23.55	24.15	2.55%	BÁN
FPT	47.60	GIẢM	GIẢM		51.89				56.69		
GAS	59.30	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	13.40	GIẢM	GIẢM		14.85				19.54		
GVR	12.40	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	5.08%			12.77		
HDB	21.70	GIẢM	GIẢM		24.68			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HNG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.41				14.51		
HPG	19.10	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HVN	20.60	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KDH	20.35	GIẢM	GIẢM		22.12				26.24		
MBB	16.45	GIẢM	GIẢM		18.57				22.55		
MSN	49.50	GIẢM	GIẢM	54.40	49.55	-8.92%	BÁN		56.41		
MWG	76.00	GIẢM	GIẢM		88.70				115.75		
NVL	51.60	GIẢM	GIẢM		54.67				57.76		
OIL	6.20	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PLX	36.80	GIẢM	GIẢM		40.31				55.37		
PNJ	57.30	GIẢM	GIẢM		66.69				88.64		

We Create Fortune

POW	8.88	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		
QNS	23.60	GIẢM	GIẢM		25.32				28.22		
REE	28.05	GIẢM	GIẢM		29.80				34.93		
ROS	4.95	GIẢM	GIẢM		6.59				11.45		
SBT	14.80	GIẢM	GIẢM		18.11			17.50	20.07	14.66%	BÁN
SSI	13.30	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	9.99	GIẢM	GIẢM		11.14			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.45	GIẢM	GIẢM		19.56				23.81		
TPB	20.45	GIẢM	GIẢM		21.46				23.94		
VCB	67.10	GIẢM	GIẢM		76.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	53.50	GIẢM	GIẢM		59.94				77.55		
VEA	30.90	GIẢM	GIẢM		32.94				59.45		
VGI	21.90	GIẢM	GIẢM		24.76			28.30	24.29	-14.18%	BÁN
VHM	71.80	GIẢM	GIẢM		75.76				88.68		
VIB	15.10	GIẢM	GIẢM		17.06			15.00	16.76	11.73%	BÁN
VIC	92.50	GIẢM	GIẢM		97.30				111.22		
VJC	100.00	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VNM	97.00	GIẢM	GIẢM		104.83				114.54		
VPB	20.95	GIẢM	GIẢM		24.73			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VRE	23.70	GIẢM	GIẢM		25.73				32.30		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.80	GIẢM	GIẢM		10.98			13.30	11.21	-15.70%	BÁN
ANV	16.00	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.10	GIẢM	GIẢM		5.59				6.48		
BMI	18.20	GIẢM	GIẢM		19.90				25.11		
BMP	36.00	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BWE	18.80	GIẢM	GIẢM		20.65				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.80	GIẢM	GIẢM		22.44				24.91		
CRE	18.00	GIẢM	GIẢM		20.85				23.60		
CTI	21.75	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-2.03%			23.07		
CTR	31.40	GIẢM	GIẢM		38.99			43.70	40.69	-6.88%	BÁN
D2D	46.00	GIẢM	GIẢM		53.67			64.00	47.92	-25.12%	BÁN



We Create Fortune

DBD	45.90	GIẢM	GIẢM		48.74			54.53		
DCM	5.53	GIẢM	GIẢM		5.60		6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	20.45	GIẢM	GIẢM		24.44		25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	37.10	GIẢM	TĂNG		39.85		37.70	36.02	-1.59%	
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.58		13.20	11.62	-11.96%	
DPG	24.20	GIẢM	GIẢM		27.35			32.83		
DPM	11.05	GIẢM	GIẢM		11.96			12.75		
DRC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.88			25.05		
DXG	10.65	GIẢM	GIẢM		12.08			13.70		
E1VFN30	11.53	GIẢM	GIẢM		12.51			15.18		
FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		8.04			10.51		
FLC	3.60	GIẢM	GIẢM		3.86			4.50		
GEG	20.30	GIẢM	GIẢM		22.28			24.79		
GMD	15.80	GIẢM	GIẢM		17.16			21.10		
GTN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.97			19.23		
HAG	3.03	GIẢM	GIẢM		3.35			3.78		
HBC	7.89	GIẢM	GIẢM		9.24			12.07		
HCM	13.15	GIẢM	GIẢM		15.38			20.42		
HDC	14.65	GIẢM	GIẢM		16.68			23.28		
HDG	19.10	GIẢM	GIẢM		22.21			29.65		
HPX	27.35	GIẢM	#N/A		27.75		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.53		7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.30	GIẢM	GIẢM		13.40		16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HTM	11.10	GIẢM	GIẢM		12.42		20.00	15.34	-23.28%	BÁN
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.80	20.11	0.48%		21.22		
IDI	3.84	GIẢM	GIẢM		4.13			4.85		
IJC	9.90	GIẢM	GIẢM		11.02			15.20		
ITA	2.08	GIẢM	GIẢM		2.21			2.57		
KBC	12.00	GIẢM	GIẢM		13.50			15.94		
KDC	16.60	GIẢM	GIẢM		17.61			19.95		
KOS	27.80	GIẢM	TĂNG		28.51		26.30	26.55	5.70%	
KSB	15.25	GIẢM	GIẢM		17.80		19.10	17.18	-10.08%	BÁN
LDG	6.28	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-5.71%		7.48		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		8.14		7.40	6.90	-6.76%	
MBG	11.70	GIẢM	GIẢM		14.49			25.96		
MBS	9.40	GIẢM	GIẢM		9.97			12.76		
MPC	18.60	GIẢM	TĂNG		20.47		24.10	17.84	-22.82%	
NBB	20.05	TĂNG	GIẢM	20.05	19.86	0.00%	MUA	21.34		

We Create Fortune

NKG	6.03	GIẢM	GIẢM		6.95				9.51		
NLG	22.00	GIẢM	GIẢM		24.38				27.39		
NT2	16.80	GIẢM	GIẢM		18.80			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	15.40	GIẢM	GIẢM		16.83				22.81		
NVB	8.60	GIẢM	GIẢM		9.11			8.50	8.62	1.36%	
OGC	2.97	GIẢM	GIẢM		3.20				3.70		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		13.07				17.12		
PDR	25.30	GIẢM	TĂNG	26.50	25.39	-4.18%	BÁN	23.59	25.19	7.23%	
PHR	41.50	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-12.08%	
PPC	22.90	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	44.85	GIẢM	GIẢM		52.79				68.86		
PVD	9.22	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	29.70	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-3.57%			33.18		
PVS	10.80	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PVT	9.09	GIẢM	GIẢM		10.43				13.84		
QCG	8.92	TĂNG	TĂNG	4.00	7.67	123.00%		4.28	4.40	108.41%	
SCR	3.85	GIẢM	GIẢM		4.54				5.86		
SGP	5.10	GIẢM	GIẢM		5.67				7.68		
SHB	11.00	GIẢM	TĂNG		12.10			7.10	9.06	54.93%	
SHS	6.50	GIẢM	GIẢM		7.51			7.90	7.28	-7.83%	BÁN
SZC	13.95	GIẢM	GIẢM		16.13			17.85	14.73	-17.46%	BÁN
TCH	23.40	GIẢM	GIẢM		25.30				38.78		
TCM	13.50	GIẢM	GIẢM		15.69				21.05		
TDH	7.29	GIẢM	GIẢM		8.15				10.57		
TNG	13.10	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
TTB	2.84	GIẢM	GIẢM		3.11				5.31		
VGC	15.90	GIẢM	GIẢM		17.25				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.55	GIẢM	GIẢM		27.30				37.71		
VND	13.20	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-8.33%			14.82		
VNG	13.70	GIẢM	GIẢM		15.10				18.07		
VPI	40.55	GIẢM	GIẢM		41.91			41.30	40.58	-1.75%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.70	GIẢM	GIẢM		5.52				7.88		
AGR	2.85	GIẢM	GIẢM		3.06				3.76		
AMD	4.55	TĂNG	TĂNG	2.35	3.88	93.62%		3.06	1.94	48.69%	
APG	8.88	GIẢM	GIẢM		9.63			9.90	9.37	-5.31%	BÁN
ART	2.90	GIẢM	TĂNG		2.92			2.30	2.12	26.09%	
BCG	5.60	GIẢM	GIẢM		6.37				7.24		
C4G	4.60	GIẢM	GIẢM		4.85				6.94		
C69	5.20	GIẢM	GIẢM		5.98				10.52		
CCL	5.10	GIẢM	GIẢM		5.71				7.40		
CVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.57				21.12		
DAH	8.46	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.70	GIẢM	GIẢM		1.89				2.21		
DRH	4.49	GIẢM	GIẢM		5.69			4.70	4.74	0.88%	
DTD	9.60	GIẢM	GIẢM		11.09			12.40	10.14	-18.21%	BÁN
EVG	2.35	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	6.55	GIẢM	GIẢM		6.65				9.11		
FTM	1.51	GIẢM	GIẢM		1.87				2.92		
FUES SV50	10.50	GIẢM	GIẢM		11.15				12.88		
GKM	15.40	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	2.67%		14.90	14.87	3.36%	
HAH	9.00	GIẢM	GIẢM		9.98				11.79		
HAI	4.28	TĂNG	TĂNG	3.04	3.23	40.79%		3.34	2.09	28.14%	
HAR	2.69	GIẢM	GIẢM		3.13				4.02		
HDA	6.90	GIẢM	GIẢM		7.66				9.03		
HHP	13.00	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-5.80%		13.20	11.66	-1.52%	
HHS	3.73	GIẢM	GIẢM		4.33			3.36	4.15	23.53%	BÁN
HID	3.00	TĂNG	TĂNG	3.06	2.86	-1.96%		2.63	2.30	14.07%	
HII	13.15	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	19.55%	
HQC	1.21	TĂNG	TĂNG	1.15	1.07	5.22%		1.15	0.89	5.22%	
HSL	4.46	GIẢM	GIẢM		5.29				7.15		
HUT	1.70	GIẢM	GIẢM		2.04				2.43		
HVG	5.73	GIẢM	GIẢM		6.73				8.43		
HVH	9.00	GIẢM	GIẢM		10.27				13.59		
IDJ	13.70	GIẢM	TĂNG		16.43			7.20	12.83	90.28%	BÁN



We Create Fortune

JVC	3.14	GIẢM	GIẢM		3.33				3.79		
KLF	1.80	TĂNG	TĂNG	1.60	1.39	12.50%		1.50	1.33	20.00%	
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		6.02				7.50		
LGL	4.60	GIẢM	GIẢM		5.89				7.04		
LHG	11.80	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LMH	1.40	GIẢM	GIẢM		1.84				3.88		
MST	4.70	GIẢM	GIẢM		5.81			3.40	5.47	60.93%	BÁN
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.97	GIẢM	GIẢM		10.51				11.50		
PLP	9.37	TĂNG	GIẢM	10.05	8.65	-6.77%			10.52		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		12.08				17.58		
PVC	5.10	GIẢM	GIẢM		5.66				6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.07				1.29		
PXL	7.80	GIẢM	TĂNG		8.08			6.70	6.88	16.42%	
SHI	7.99	GIẢM	GIẢM		8.70			5.77	8.30	43.88%	BÁN
SJF	1.32	GIẢM	GIẢM		1.46				2.05		
SPP	1.30	GIẢM	GIẢM		1.49				2.01		
TDC	7.35	GIẢM	GIẢM		7.81				8.84		
TIG	5.40	GIẢM	GIẢM		6.70			3.20	5.94	85.76%	
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNA	15.50	GIẢM	GIẢM		17.42				21.92		
TNI	9.79	GIẢM	GIẢM		10.19			10.90	9.99	-8.38%	BÁN
TSC	2.16	GIẢM	GIẢM		2.24				2.89		
TTF	2.43	GIẢM	TĂNG		2.71			2.85	2.40	-14.74%	
TTH	2.20	GIẢM	GIẢM		2.42				2.88		
TVC	28.80	GIẢM	TĂNG		30.24			14.30	26.65	101.40%	
VC3	15.30	GIẢM	GIẢM		15.82				17.32		
VCR	10.00	GIẢM	TĂNG		10.56			12.90	7.61	-22.48%	
VNA	2.30	GIẢM	GIẢM		2.56				3.80		
VNE	3.52	GIẢM	TĂNG		3.77			3.85	3.41	-8.57%	
VRC	5.26	GIẢM	GIẢM		5.86				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	747.86	-1.83%	HNI	99.62	-1.74%	UPCoM	50.15	-0.67%
VN30	698.18	-2.58%	HN30	180.21	-0.74%			
VN Mid	743.84	-0.79%	VNX	676.01	-1.93%			
VN Small	650.46	0.21%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	856.1		Mua	2.89		Mua	8.62	
Bán	1243.52		Bán	14.06		Bán	29.85	
GT ròng	-387.42		GT ròng	-11.17		GT ròng	-21.23	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	280	7.00%	L14	4000	9.83%	DVN	700	7.61%
QCG	580	6.95%	NDN	300	2.22%	OIL	200	3.33%
NTL	1000	6.94%	TVC	300	1.05%	BSR	200	2.99%
AAA	700	6.93%	TAR	200	0.62%	VEA	800	2.66%
FIT	420	6.85%	CEO	0	0.00%	CTR	600	1.95%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PNJ	-4300	-6.98%	ACB	-1100	-5.00%	ACV	-2400	-4.67%
PTB	-3350	-6.95%	AMV	-600	-4.41%	QNS	-200	-0.84%
SBT	-1100	-6.92%	TNG	-500	-3.68%	ADG	-700	-0.77%
YEG	-5200	-6.91%	PVS	-200	-1.82%	NTC	-700	-0.50%
VPB	-1550	-6.89%	SHS	-100	-1.52%	DDV	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	312,875		ACB	36,443		ACV	111,987	
VCB	263,330		SHB	19,309		VEA	40,061	
VHM	236,845		VCG	11,087		MCH	40,058	
VNM	172,571		VCS	8,624		BSR	20,687	
BID	140,771		PVI	6,864		BCM	20,513	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VPB	23,435,410	4,197,753	SHB	8,693,269	23,020,907	BSR	2,839,903	2,300,654
GTN	19,848,670	481,094	ACB	4,619,347	6,987,539	LPB	2,790,457	3,188,793
HQC	14,479,440	6,153,930	PVS	3,368,595	3,054,463	DDV	2,301,000	2,563
FLC	12,410,030	10,245,929	NVB	3,251,500	2,598,497	VIB	1,053,796	1,971,369
SCR	11,017,060	2,442,131	MBG	3,175,060	934,149	CTR	609,456	520,010

Nguồn: Bloomberg & YSVN

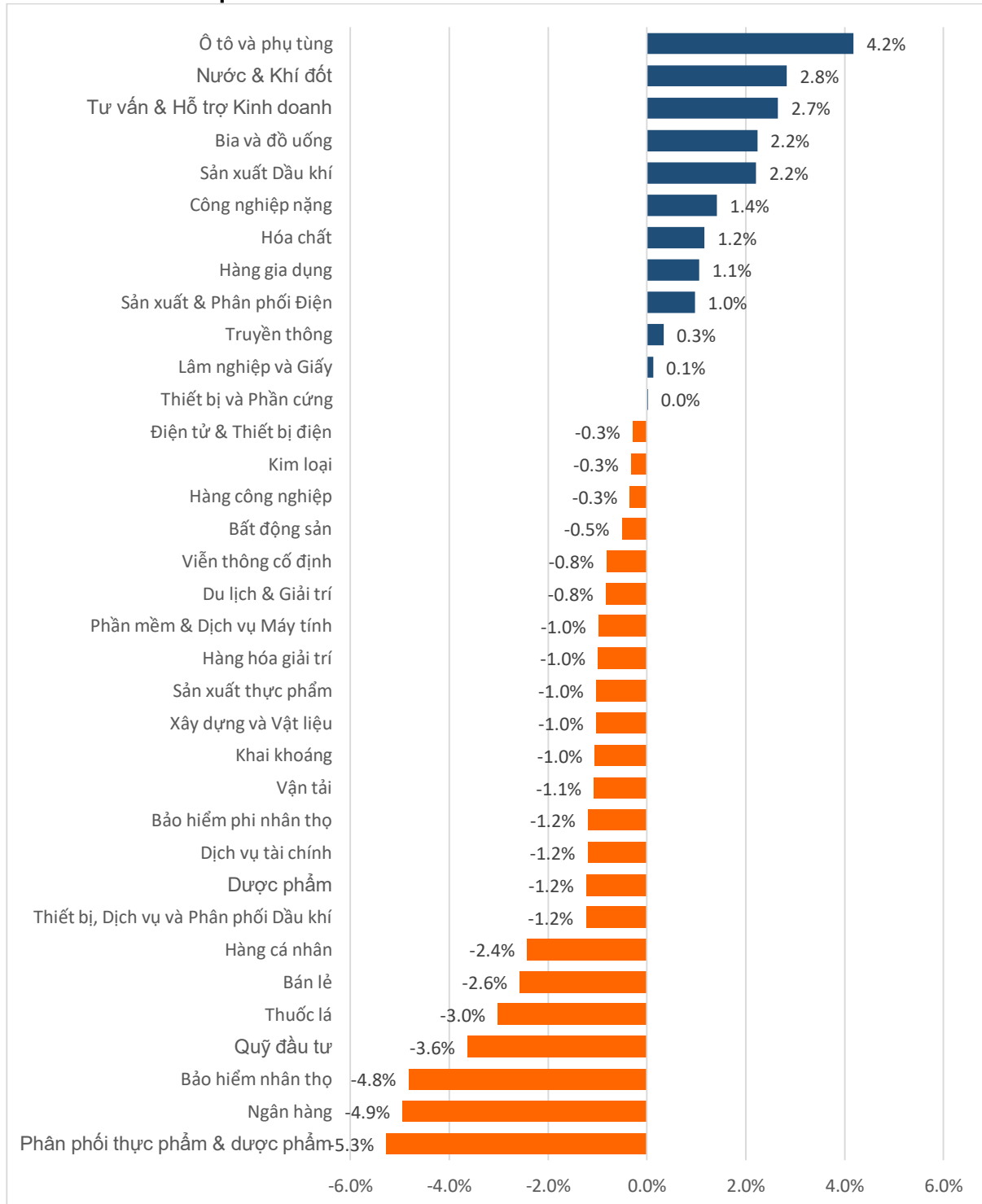
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



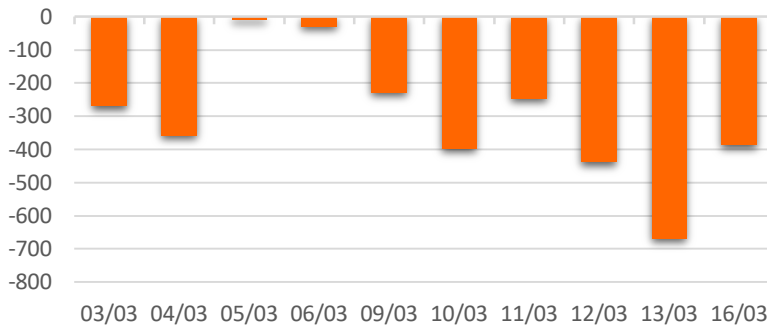
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

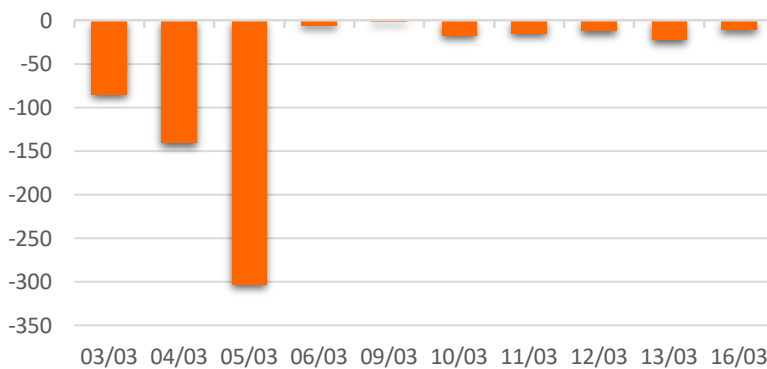
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TCH	11,066	MSN	45,807
PHR	6,398	VIC	41,740
GAS	3,922	HDB	36,090
SCR	3,867	VHM	35,483
PVD	3,015	CTG	31,923

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

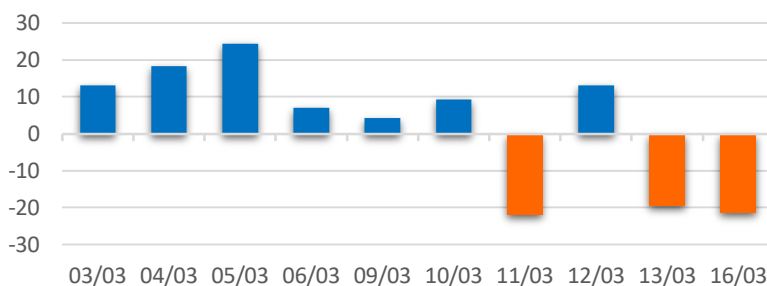
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ART	553	PVS	6,781
KLF	540	TIG	2,235
NRC	81	SHB	1,273
VCS	54	IDJ	1,249
NBC	54	TNG	231

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VAV	184	LPB	6,944
CTR	152	ACV	5,568
BPW	66	QNS	3,987
KDF	51	VEA	1,813
EMS	38	BSR	1,224

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



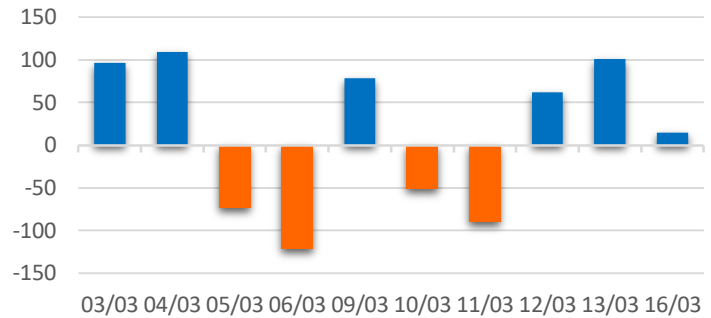
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

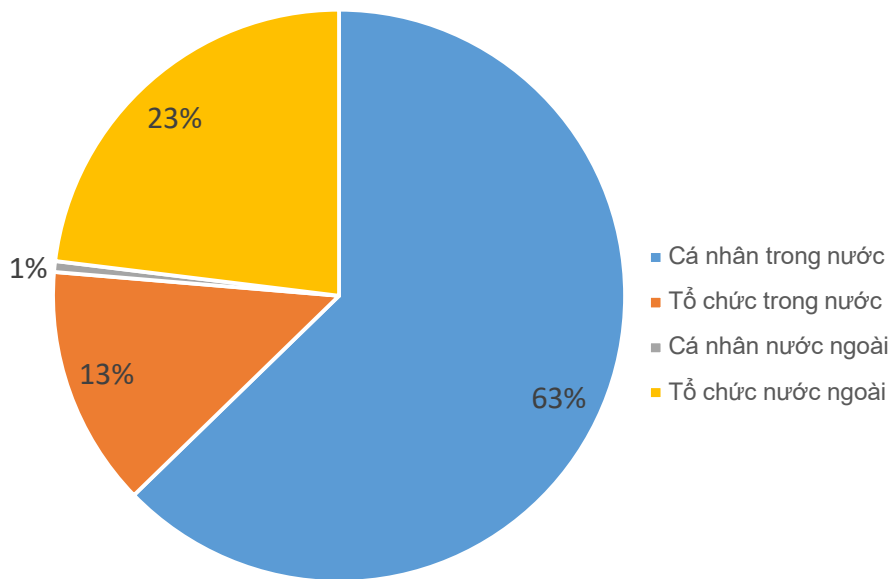
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	96,528	TCB	17,956
FPT	23,832	E1VFN30	14,695
E1VFN30	16,690	HPG	14,341
HPG	7,974	FPT	11,572
MWG	7,304	MSN	9,274

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

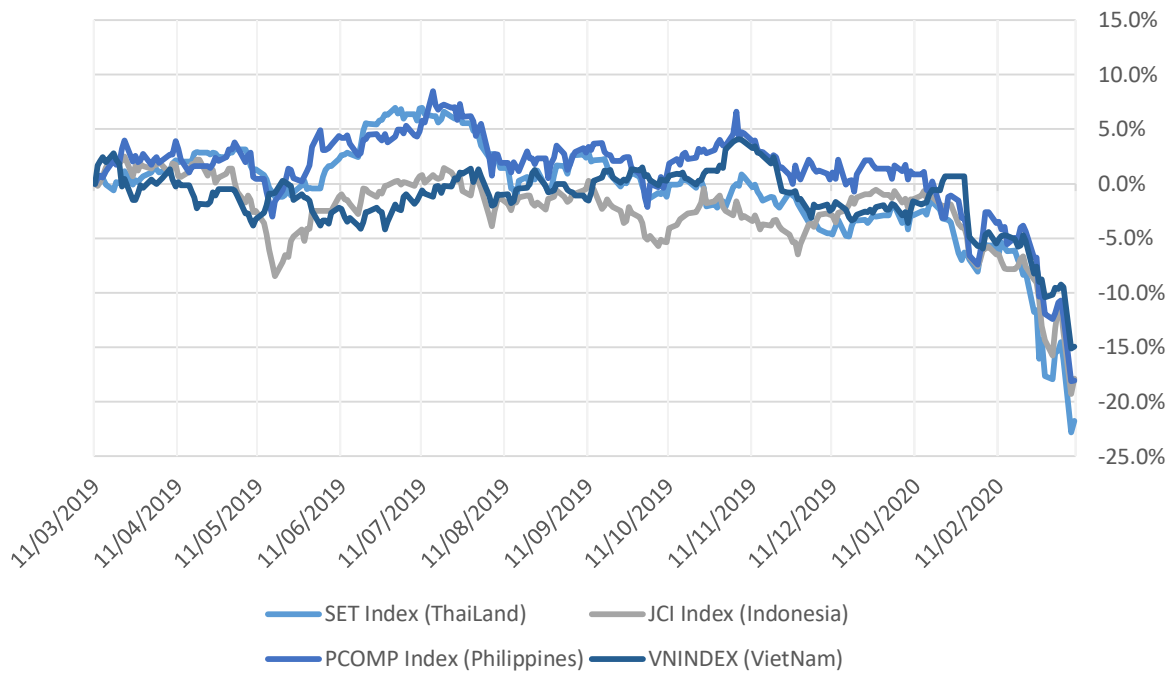


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

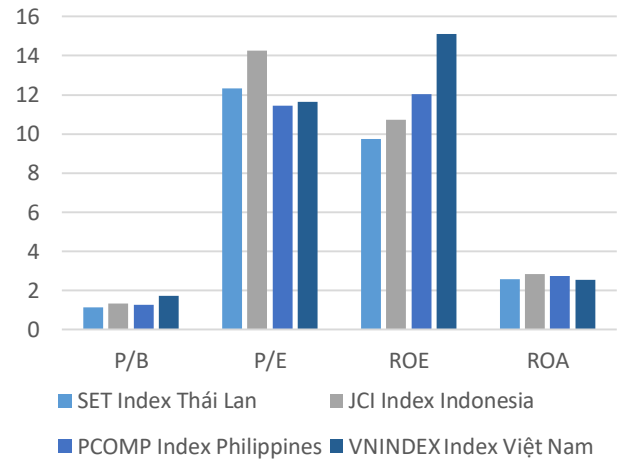
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	1.4x	1.4x	1.8x
P/E		13.0x	15.0x	12.4x	11.8x
ROE	%	9.75	10.73	12.02	15.12
ROA	%	2.58	2.84	2.74	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	375.86	384.78	140.65	113.51
GTGD	Triệu USD	2.96	0.34	0.13	0.19
LS cổ tức	%	4.53	3.23	2.15	2.62

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written